Bài 7 LUYỆN TẬP

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 14 000 ; 15 000 ; 16 000 ; ..... ; ..... ; ..... .

b) 48 600 ; 48 700 ; ..... ; 48 900 ; ..... ; ..... .

c) 76 870 ; 76 880 ; 76 890 ; ..... ; ..... ; ..... .

d) 75 697 ; 75 698 ; ..... ; 75 700 ; ..... ; ..... .

2. Viết số hoặc chữ thích hợp vào ô trống :

Viết số	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
853 201							
	7	3	0	1	3	0	
	6	2	1	0	1	0	
							bốn trăm nghìn ba trăm linh một

3. Nối (theo mẫu) :

376 005	Tám trăm mười nghìn không trăm hai mươi mốt
407 310	Ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm linh năm
810 021	Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi
765 070	Bốn trăm linh bảy nghìn ba trăm mười

4. Viết bốn số có sáu chữ số, mỗi số :

a) Đều có sáu chữ số 1 ; 2 ; 3 ; 5 ; 8 ; 9 là : .....

b) Đều có sáu chữ số 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 là : .....

LIVEWORKSHEETS